TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ N** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **102**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23/10/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị H
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Lê Thị H
Ông Lê Văn L
- *Thư ký phiên toà*: Bà Đặng Thị Hồng T - Thư ký Toà án, Toà án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hoà.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa*: Bà Phan Minh P - Kiểm sát viên.

Ngày 23/10/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 319/2018/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2018/HPT-ST ngày 03/10/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Dương N - sinh năm 1988
Địa chỉ: Thôn T, xã B, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.
- *Bị đơn*: Ông Trương Nhật N – sinh năm 1990
Địa chỉ: Thôn T, xã B, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 28/5/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn bà Lê Thị Dương N trình bày:

Bà và ông Trương Nhật N kết hôn năm 2017 tại UBND xã B được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 31/3/2017. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc vì ông N ham chơi, không lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Nay bà không còn tình cảm với ông N nữa nên yêu cầu được ly hôn ông N.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Trương Quang K – sinh ngày 20/02/2017, bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

2. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông Trương Nhật N vắng mặt nên không có lời khai.

3. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Theo các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của bà Lê Thị Dương N tại phiên tòa thể hiện: Bà và ông Trương Nhật N kết hôn năm 2017 tại UBND xã B được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 31/3/2017. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc vì ông N ham chơi, không lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Tòa án đã nhiều lần triệu tập để hòa giải và xét xử nhưng ông N vắng mặt không có lý do chứng tỏ ông N không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân giữa ông và bà N. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N. Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Trương Quang K – sinh ngày 20/02/2017, bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu K còn nhỏ và hiện tại bà N đang trực tiếp nuôi dưỡng nên đề nghị giao cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho cháu K. Tài sản chung: Bà N không yêu cầu giải quyết. Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Toà án nhận định:

1. Về tố tụng: Xét thấy bị đơn ông Trương Nhật N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

Tại phiên tòa bà Lê Thị Dương N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Dương N và ông Trương Nhật N kết hôn năm 2017 tại UBND xã B được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 31/3/2017. Hội đồng xét xử công nhận đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà N yêu cầu ly hôn vì cho rằng ông N ham chơi, không lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Toà án đã triệu tập ông N để hòa giải và mở phiên toà xét xử nhưng ông N vắng mặt không có lý do, chứng tỏ ông N không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân giữa ông và bà N.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Lê Thị Dương N và ông Trương Nhật N đã không còn tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn giữa ông N và bà N đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có cơ sở, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

- Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Trương Quang K – sinh ngày 20/02/2017, bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu K còn nhỏ và hiện tại bà N đang trực tiếp nuôi dưỡng nên giao cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho cháu K.

- Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu giải quyết. Tách yêu cầu chia tài sản chung của ông N thành vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

- Về án phí: Bà Lê Thị Dương N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH2014 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Dương N.

1. Bà Lê Thị Dương N được ly hôn ông Trương Nhật N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trương Quang K – sinh ngày 20/02/2017 cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà N không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Ông N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi xét thấy cần thiết.

3. Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu giải quyết. Tách yêu cầu chia tài sản chung của ông N thành vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Dương N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003952 ngày 04/6/2018 của chi cục Thi hành án dân sự thị xã N; bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hướng